

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ML
TỈNH SL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07-01-2021.
V/v: Ly hôn giữa chị T và anh
H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Mãng.

2 – Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07/11/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2020/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2020 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị LTT, sinh 1990, trú tại: Bản PHN, xã MT, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh LVH, sinh 1990, trú tại: Bản PHN, xã MT, huyện ML, tỉnh SL. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL.

Người đại diện hợp pháp: Ông NTT, giám đốc Ngân hàng là người đại diện theo pháp luật. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị LTT trình bày:

Chị và anh LVH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 23/7/2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn HL, huyện MS, tỉnh SL. Cuộc sống

chung hạnh phúc đến tháng 8 năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh LVH không chăm lo xây dựng gia đình hay ghen tuông. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên can nhưng không khắc phục được. Từ đó hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị LTT xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh LVH.

Về con chung: Có con là LAK, sinh ngày 23/01/2013. Nguyên vọng chị muốn được nuôi con, đề nghị theo nguyện vọng của con. Hiện công việc của chị thu nhập khoảng 8.100.000, đồng tháng, chị không yêu cầu anh LVH phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng: Điều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chiếc xe máy trước chị có yêu cầu được sở hữu, nay chị có đơn rút yêu cầu vì chiếc xe hiện không còn.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL khoản vay số tiền gốc là 45.000.000, đồng, chị nhất trí là người trả nợ.

Bị đơn anh LVH từ chối trình bày: Căn cứ vào ý kiến của cơ sở và các tài liệu xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị LTT và anh LVH. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị LTT.

Về con chung: Có con là LAK, sinh ngày 23/01/2013.

Về tài sản chung, riêng: Điều không có.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL khoản vay số tiền gốc là 45.000.000, đồng.

Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL trình bày: Căn cứ sổ vay vốn mã khách hàng 1600084058 năm 2016 chị LTT và anh LVH còn nợ tiền gốc là 45.000.000, đồng theo chương trình hộ nghèo. Nay hai người ly hôn Ngân hàng yêu cầu chị LTT là người phải trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ Điều 37, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ xử cho chị LTT được ly hôn anh LVH.

Về con chung: Giao cho chị LTT trực tiếp nuôi con LAK, sinh ngày 23/01/2013, anh LVH không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng: Điều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chiếc xe máy trước chị LTT có yêu cầu được sở hữu, nay chị LTT có đơn rút yêu cầu vì chiếc xe hiện không còn, cần chấp nhận.

Về nợ chung: Chị LTT có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL khoản nợ gốc là 45.000.000, đồng và lãi phát sinh.

Chị LTT chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh LVH sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã từ chối khai trình bày nguyện vọng, anh LVH đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng trực tiếp có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã MT, huyện ML và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt anh LVH.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL đã nhận tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt họ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị LTT và anh LVH có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do không hợp nhau. Hai người đã sống ly thân từ tháng 8/2018 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị LTT và anh LVH đã được gia đình khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị LTT yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị LTT được ly hôn anh LVH.

[3] Về con chung: Căn cứ điều kiện cháu đang ở với chị LTT, hiện công việc của chị thu nhập khoảng 8.100.000, đồng tháng và nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ, cần giao cho chị LTT trực tiếp nuôi con là LAK, sinh ngày 23/01/2013, chị không yêu cầu anh LVH phải cấp dưỡng nuôi con, cần chấp nhận theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng: Điều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chiếc xe máy trước chị LTT có yêu cầu được sở hữu, nay chị LTT có đơn rút yêu cầu vì chiếc xe hiện không còn, cần chấp nhận.

[5] Về nợ chung: Chị LTT và Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL đều xác nhận khoản nợ gốc đến nay là 45.000.000, đồng và đều đồng ý

chị LTT là người có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc là 45.000.000, đồng và lãi phát sinh, cần chấp nhận.

Chị LTT chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 37, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị LTT được ly hôn anh LVH.

2. Về con chung: Giao cho chị LTT trực tiếp nuôi con LAK, sinh ngày 23/01/2013, anh LVH không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng: Điều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị LTT có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL khoản nợ gốc là 45.000.000, đồng (bốn mươi năm triệu đồng) và lãi phát sinh. Theo sổ vay vốn mã khách hàng 1600084058.

5. Về án phí:

Chị LTT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004040 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Chị LTT được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 07/01/2021.

Anh LVH, Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND thị trấn HL, huyện MS
(để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (3);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Tuấn